

Số:82/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 24 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2026/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2026 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Anh Phan Vũ H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4,5 Điều 147; Điều 212; Điều 213, của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phan Vũ H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Hai bên trình bày có 03 con chung là Phan Nguyễn Gia L, sinh ngày 05/12/2010, Phan Nguyễn Sơn T1, sinh ngày 11/06/2013 và Phan Trọng Đ, sinh ngày 24/10/2018.

Ly hôn hai bên thỏa thuận: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi);

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho con chung Phan Nguyễn Sơn T1 và Phan Trọng Đ với mức cấp dưỡng 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 con chung/01 tháng; 02 con chung là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/ 01 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 05/2026 đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí của người cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002213 ngày 20 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- UBND xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ;
- THA Dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng